TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân

Bà Phan Thị Hồng Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Dương Chí Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H , sinh năm 1974; Địa chỉ: số 267/2, tổ 73, khóm BĐ3, phường BĐ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T , sinh năm: 1971; Địa chỉ: số 1248B/63 khóm BĐ1, phường BĐ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường BĐ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 16/6/1999, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T thường xuyên nhậu xỉn và có những lời lẽ xúc phạm bà H . Do tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T .

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Anh Đạt, sinh ngày 06/7/1996 và Huỳnh Anh Tuấn, sinh ngày 02/7/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Anh Đạt, sinh ngày 06/7/1996 và Huỳnh Anh Tuấn, sinh ngày 02/7/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết. Đối với tài sản chung và nợ chung: do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét đến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T . Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 17/5/2022, Công an phường BĐ, thành phố Long Xuyên xác nhận: Đương sự Huỳnh Văn T , sinh năm 1971, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 1248B/63, khóm BĐ1, phường BĐ1, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Văn T mặc dù được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn không tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông T thường xuyên nhậu xỉn và có những lời lẽ xúc phạm bà H . Do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H cương quyết yêu cầu ly hôn, ông T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H .

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà H xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T , hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Anh Đạt, sinh ngày 06/7/1996 và Huỳnh Anh Tuấn, sinh ngày 02/7/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H .

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H với ông Huỳnh Văn T .

Giấy chứng nhận kết hôn số 102 do Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị H với ông Huỳnh Văn T ngày 16/6/1999 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Anh Đạt, sinh ngày 06/7/1996 và Huỳnh Anh Tuấn, sinh ngày 02/7/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001249 ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Huỳnh Văn T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- UBND P. BĐ, TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Dung